

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý, sử dụng đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình 297/TTr-SNV ngày 05/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, sử dụng đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024.
- Bãi bỏ Quyết định số 53/2004/QĐ.UB ngày 25 tháng 10 năm 2004 của

Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *T.Đ*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- VPUBND: CVP, các PCVP;
- Trung tâm tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC (T). *hoang*

7

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *moan*
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vĩnh

QUY ĐỊNH

**Quản lý, sử dụng đối với người hoạt động không chuyên trách
ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

(Kèm theo Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND)

ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý, sử dụng đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã), bao gồm: nguyên tắc quản lý, sử dụng; nhiệm vụ; thời giờ làm việc; bầu cử; tuyển chọn; tiếp nhận; đánh giá; xếp loại; khen thưởng; xử lý kỷ luật; bãi nhiệm; miễn nhiệm; giải quyết thôi việc; quản lý hồ sơ; chế độ báo cáo và trách nhiệm quản lý người hoạt động không chuyên trách cấp xã trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác quản lý, sử dụng đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách cấp xã

1. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

2. Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu.

3. Việc quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn, chức danh và số lượng theo quy định của cơ quan có thẩm quyền và phân cấp quản lý.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách cấp xã

1. Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại điều lệ tổ chức mà mình là thành viên, của pháp luật liên quan và của cấp có thẩm quyền quản lý.

2. Phối hợp, giúp cán bộ, công chức cấp xã thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, đảm bảo các lĩnh vực công tác của cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã đều có người đảm nhiệm, theo dõi thực hiện.

3. Các nhiệm vụ khác theo phân công của người đứng đầu cấp ủy, Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 5. Thời giờ làm việc của người hoạt động không chuyên trách cấp xã

1. Thời gian làm việc của người hoạt động không chuyên trách cấp xã tối đa không quá 32 giờ/tuần. Riêng đối với chức danh Phó Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Ngoài thời giờ làm việc tại khoản 1 Điều này, người hoạt động không chuyên trách cấp xã phải chấp hành sự phân công của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân cấp xã khi có yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh.

Điều 6. Bầu cử, tuyển chọn người hoạt động không chuyên trách cấp xã

1. Đối với các chức danh thông qua bầu cử: thực hiện theo quy định của pháp luật, điều lệ, hướng dẫn của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các quy định, hướng dẫn liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối với chức danh Phó Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã: thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đối với các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã khác ngoài các chức danh quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này: Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tuyển chọn thông qua hình thức xét tuyển.

Điều 7. Nguyên tắc tổ chức xét tuyển người hoạt động không chuyên trách cấp xã

1. Đảm bảo công khai, minh bạch về trình tự, điều kiện tuyển chọn đảm bảo phù hợp với thực tiễn của từng đơn vị hành chính cấp xã; ưu tiên xét tuyển các trường hợp đã có kinh nghiệm công tác và đáp ứng ngay yêu cầu nhiệm vụ của chức danh cần xét tuyển.

2. Đảm bảo quy định về chức danh, số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã; tuyển chọn người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, năng lực để thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

3. Quá trình xét tuyển phải có sự giám sát của Phòng Nội vụ cấp huyện và sự tham gia của đại diện cấp ủy cùng cấp.

Điều 8. Tiếp nhận người hoạt động không chuyên trách cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định tiếp nhận người hoạt động không chuyên trách cấp xã (trừ các chức danh thông qua bầu cử, chức danh Phó Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã) từ xã phường, thị trấn khác đến công tác sau khi thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người hoạt động không chuyên trách

cấp xã đang công tác và văn bản thống nhất của Phòng Nội vụ. Việc tiếp nhận phải đảm bảo số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao đối với từng đơn vị hành chính cấp xã.

2. Người được tiếp nhận phải đáp ứng tiêu chuẩn theo khoản 1 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP. Đối với việc tiếp nhận vào các chức danh phụ trách các mặt công tác của cấp ủy cấp xã phải có văn bản thống nhất của Đảng ủy cấp xã trước khi ra quyết định.

Điều 9. Đánh giá, xếp loại chất lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và các quy định liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Khen thưởng người hoạt động không chuyên trách cấp xã

Người hoạt động không chuyên trách cấp xã có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ thì được xét khen thưởng. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 11. Xử lý kỷ luật người hoạt động không chuyên trách cấp xã

1. Đối với các chức danh thông qua bầu cử; chức danh Phó Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã: thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và các quy định liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối với các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã khác ngoài các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này: thực hiện xử lý kỷ luật theo các hình thức sau:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Buộc thôi việc.

Điều 12. Áp dụng hình thức kỷ luật

1. Hình thức khiển trách áp dụng đối với các trường hợp sau:

a) Vi phạm quy định về đạo đức, văn hóa giao tiếp; quy định của pháp luật về thực hiện chức trách, nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách cấp xã; kỷ luật lao động; nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị;

b) Lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi; có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ; xác nhận hoặc cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện;

c) Né tránh, đùn đẩy, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ chức trách, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị hoặc nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao mà không có lý do chính đáng; không chấp hành quyết định điều động, phân công công tác của cấp có thẩm quyền; gây mất đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

d) Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

đ) Vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

e) Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

g) Vi phạm quy định về quy chế tập trung dân chủ, quy định về tuyên truyền, phát ngôn, quy định về bảo vệ chính trị nội bộ;

h) Vi phạm quy định của pháp luật về: đầu tư, xây dựng; đất đai, tài nguyên môi trường; tài chính, kế toán, ngân hàng; quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình thực thi nhiệm vụ;

i) Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống bạo lực gia đình; dân số, hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; an sinh xã hội; quy định khác của Đảng và của pháp luật liên quan.

2. Hình thức cảnh cáo áp dụng đối với các trường hợp sau:

a) Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách theo khoản 1 Điều này mà tái phạm;

b) Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

3. Hình thức buộc thôi việc áp dụng đối với các trường hợp sau:

a) Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo khoản 2 Điều này mà tái phạm;

b) Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 13. Xác định mức độ của hành vi vi phạm; thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật

1. Mức độ vi phạm của hành vi

a) Vi phạm gây hậu quả ít nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ tác hại không lớn, tác động trong phạm vi nội bộ, làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, đơn vị.

b) Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, tác động ngoài phạm vi nội bộ, gây dư luận xấu trong cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách và nhân dân, làm giảm uy tín của cơ quan, đơn vị.

c) Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, phạm vi tác động đến toàn xã hội, gây dư luận rất bức xúc trong cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách và nhân dân, làm mất uy tín của cơ quan, đơn vị.

2. Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật người hoạt động không chuyên trách cấp xã: thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ).

Điều 14. Quy trình xử lý kỷ luật người hoạt động không chuyên trách cấp xã

1. Tổ chức họp kiểm điểm

a) Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức cuộc họp để người hoạt động không chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm tự kiểm điểm và nhận hình thức kỷ luật. Việc họp kiểm điểm phải được lập thành biên bản.

Trường hợp người hoạt động không chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm có mặt tại cuộc họp nhưng không làm bản kiểm điểm hoặc vắng mặt nhưng có giấy đề nghị tổ chức cuộc họp vắng mặt thì cuộc họp kiểm điểm vẫn được tiến hành. Trường hợp người hoạt động không chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm vắng mặt ở cuộc họp theo thông báo triệu tập lần thứ 2 thì cuộc họp kiểm điểm vẫn được tiến hành.

b) Thành phần dự họp gồm: Đại diện lãnh đạo Đảng ủy, Ủy ban nhân dân cấp xã; đại diện cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách cùng công tác (do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định), đại diện Ban chấp hành Công đoàn cấp xã và có thể mời đại diện lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội cấp xã tham dự.

2. Thành lập Hội đồng kỷ luật

a) Kể từ khi nhận được báo cáo và biên bản cuộc họp kiểm điểm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật để tư vấn về việc áp dụng hình thức kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm.

b) Thành phần Hội đồng kỷ luật gồm 03 thành viên, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; 01 ủy viên là đại diện Ban chấp hành Công đoàn cơ sở; 01 ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là công chức Văn phòng - Thống kê.

c) Hội đồng kỷ luật tổ chức cuộc họp để biểu quyết về việc xử lý kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã. Hội đồng kỷ luật có thể mời đại diện của tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan dự họp. Người được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến và đề xuất hình thức kỷ luật nhưng không được bỏ phiếu về hình thức kỷ luật.

d) Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc họp của Hội đồng kỷ luật, giấy triệu tập họp phải được gửi tới người hoạt động không chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm. Trường hợp người hoạt động không chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm vắng mặt nhưng có bản kiểm điểm thì Thư ký Hội đồng kỷ luật đọc thay; trường hợp có mặt nhưng không làm bản tự kiểm điểm hoặc

vắng mặt và không có bản kiểm điểm thì Hội đồng kỷ luật vẫn tiến hành cuộc họp theo quy định.

3. Ra quyết định kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã

a) Hội đồng kỷ luật kiến nghị việc xử lý kỷ luật bằng văn bản gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo Biên bản cuộc họp của Hội đồng kỷ luật và hồ sơ xử lý kỷ luật. Thành phần hồ sơ xử lý kỷ luật bao gồm: bản tự kiểm điểm, trích ngang sơ yếu lý lịch của người hoạt động không chuyên trách cấp xã, biên bản cuộc họp kiểm điểm và các tài liệu khác có liên quan.

b) Sau khi nhận được văn bản kiến nghị của Hội đồng kỷ luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định kỷ luật hoặc kết luận người hoạt động không chuyên trách cấp xã không vi phạm kỷ luật.

c) Trường hợp người hoạt động không chuyên trách cấp xã bị xem xét xử lý kỷ luật khi đã có kết luận về hành vi vi phạm và bị xử lý các hình thức kỷ luật của tổ chức Đảng thì Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định áp dụng hình thức kỷ luật tương ứng mà không phải thực hiện quy trình xử lý kỷ luật theo Điều này.

d) Trường hợp người hoạt động không chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị Tòa án kết án về hành vi tham nhũng, kể từ ngày nhận được quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định buộc thôi việc người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

Điều 15. Bãi nhiệm, miễn nhiệm và giải quyết thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã

1. Bãi nhiệm, miễn nhiệm người hoạt động không chuyên trách cấp xã

a) Đối với các chức danh thông qua bầu cử: thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và hướng dẫn của các tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội và các quy định, hướng dẫn có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

b) Đối với Phó Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã: thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự, các quy định, hướng dẫn có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

2. Giải quyết thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giải quyết thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã. Riêng đối với các chức danh thông qua bầu cử; chức danh Phó Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và chức danh phụ trách các mặt công tác của cấp ủy cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định giải quyết thôi việc sau khi có văn bản thống nhất của Đảng ủy cấp xã.

Điều 16. Xếp phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã có thay đổi về trình độ chuyên môn nghiệp vụ

1. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã khi thay đổi về trình độ chuyên môn nghiệp vụ phải báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, xếp phụ cấp theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, xếp phụ cấp kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị có kèm theo Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp chuyên môn nghiệp vụ của người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

Điều 17. Quản lý hồ sơ người hoạt động không chuyên trách cấp xã

1. Thành phần hồ sơ người hoạt động không chuyên trách cấp xã được áp dụng theo các quy định của pháp luật về thành phần hồ sơ, lý lịch cán bộ, công chức cấp xã. Hàng năm, lãnh đạo Đảng ủy, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo việc bổ túc hồ sơ, lý lịch của người hoạt động không chuyên trách cấp xã để quản lý, lưu giữ theo quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hồ sơ người hoạt động không chuyên trách cấp xã được lưu giữ tại Đảng ủy hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã 01 bộ để quản lý, khai thác và sử dụng theo quy định.

Điều 18. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo số lượng, chất lượng, công tác quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách cấp xã được thực hiện định kỳ hàng năm trước ngày 20/6 (báo cáo 06 tháng) và trước ngày 20/11 (báo cáo năm).

2. Báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của các sở, ngành tỉnh

Hướng dẫn nhiệm vụ cụ thể thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách để Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể nhiệm vụ của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã cho phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của từng địa phương.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

2. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ việc tuyển chọn người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

3. Định kỳ tổng hợp, thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng, công tác quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách cấp xã trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 9 Điều 36, khoản 5 Điều 40 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và Quy định này.

2. Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác tổ chức tuyển chọn, tiếp nhận, việc thực hiện quy định về thời giờ làm việc của người hoạt động không chuyên trách cấp xã nhằm đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ tại địa phương.

3. Giải quyết và chỉ đạo việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

4. Thực hiện công tác khen thưởng người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo thẩm quyền.

5. Chỉ đạo Phòng Nội vụ: thường xuyên theo dõi, kiểm tra công tác quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách cấp xã trên địa bàn; phối hợp với các cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chế độ báo cáo theo Điều 18 Quy định này, gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật và theo thẩm quyền được phân cấp về quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

2. Tổ chức triển khai, quán triệt các quy định của pháp luật về người hoạt động không chuyên trách cấp xã đến toàn thể cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã tại địa phương.

3. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương xây dựng kế hoạch tuyển chọn người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo Quy định này gửi Phòng Nội vụ thẩm định, có văn bản thống nhất để làm cơ sở tổ chức thực hiện. Đối với việc tuyển chọn vào các chức danh phụ trách các mặt công tác của cấp ủy cấp xã phải có văn bản thống nhất của Đảng ủy cấp xã trước khi ra quyết định tuyển chọn.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng và ban hành nội quy, quy chế làm việc của người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

5. Hàng năm, rà soát, lập kế hoạch quy hoạch, bồi dưỡng và đăng ký cơ quan có thẩm quyền để cử người hoạt động không chuyên trách cấp xã tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo thẩm quyền.

7. Tổ chức tuyển chọn, tiếp nhận, khen thưởng, xử lý kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo thẩm quyền.

8. Đánh giá, xếp loại chất lượng đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo quy định.

9. Xem xét, quyết định việc phân công, bố trí, giao nhiệm vụ cụ thể đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo đúng quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; không giao người hoạt động không chuyên trách cấp xã làm thay toàn bộ nhiệm vụ của cán bộ, công chức cấp xã.

10. Thực hiện việc xếp phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm và giải quyết các chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo quy định.



11. Thực hiện việc thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Việc thực hiện Quy định này phải đảm bảo phù hợp với Điều lệ Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc theo quy định, hướng dẫn mới của cơ quan có thẩm quyền./.